

Số: /TTr-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều
và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025), Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 12/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Hòa giải ở cơ sở là một trong những thiết chế quan trọng trong hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trong cộng đồng, phòng ngừa vi phạm pháp luật, củng cố đoàn kết và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật. Chủ trương phát triển, nâng cao hiệu quả các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, trong đó có hòa giải ở cơ sở, đã được xác định trong các văn kiện của Đảng, gắn với yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định “*Nâng cao hiệu quả các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án*”. Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng cũng xác định nhiệm vụ “*Hình thành các mô hình “tự quản - tự chủ - tự giám sát” ở cộng đồng dân cư, gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và Nhân dân, thực hành phát huy dân chủ tại cơ sở*”.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định yêu cầu kết hợp hài hòa giữa các phương thức tố tụng tư pháp và phi tố tụng tư pháp trong bảo đảm quyền con người, quyền công dân; đồng thời yêu cầu sửa đổi, bổ sung pháp luật phù hợp với chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu: *“Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân”*.

Nhấn mạnh vai trò của công tác hòa giải ở cơ sở, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển xác định nhiệm vụ *“nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và công tác hòa giải ở cơ sở. Thực hành quy chế dân chủ, khuyến khích các hình thức tự quản của cộng đồng...”*; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam cũng xác định xác định một trong những nhiệm vụ cách mạng trong thời gian tới là *“phát triển các thiết chế hòa giải, đối thoại và trợ giúp pháp lý ở cơ sở”*. Đây là những định hướng quan trọng, đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở trong tình hình mới.

Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định *“Đơn giản hoá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo hướng mỗi chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ ban hành một hình thức văn bản quy phạm pháp luật với lộ trình thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tiễn.”*

Thực hiện các chủ trương nêu trên, Thông báo số 07-TB/BCĐTW ngày 06/10/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật tại Phiên họp tháng 9/2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo nhấn mạnh yêu cầu *“phát triển hòa giải, trọng tài trên cơ sở tự nguyện”*, nhằm *“giảm thời gian, chi phí và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp”*, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và

hoàn thiện các cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự. Việc xây dựng Nghị định quy định chi tiết Luật Hòa giải ở cơ sở là một trong những giải pháp để cụ thể hóa các chủ trương nêu trên, bảo đảm hoạt động hòa giải ở cơ sở được tổ chức thống nhất, thực chất, phù hợp với yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, đồng thời phát huy vai trò của thiết chế hòa giải trong giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp ngay từ cơ sở.

b) Cơ sở pháp lý

Ngày 24/8/2026, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật Hòa giải ở cơ sở số 16/2026/QH16, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết 13 nội dung: phạm vi hòa giải ở cơ sở (Điều 3); kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở (Điều 7); bầu hòa giải viên (Điều 9); chỉ định hòa giải viên (Điều 10); công nhận hòa giải viên (Điều 11); quyền được hưởng thù lao theo vụ, việc khi thực hiện hòa giải của hòa giải viên (khoản 5 Điều 12); quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu bị tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải của hòa giải viên (khoản 7 Điều 12); thôi làm hòa giải viên, thôi làm Tổ trưởng tổ hòa giải (Điều 14); Tổ trưởng tổ hòa giải (Điều 17); quyền được hưởng thù lao theo vụ, việc khi thực hiện hòa giải của người được mời tham gia hòa giải (điểm a khoản 2 Điều 20); quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu bị tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải của người được mời tham gia hòa giải (điểm b khoản 2 Điều 20); hình thức tiến hành hòa giải, hỗ trợ tham gia hòa giải (khoản 1 Điều 26); trách nhiệm quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở (Điều 32).

Ngày 12/9/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1772/QĐ-TTg về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất, trong đó phân công Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, thời hạn trình Chính phủ là tháng 12/2026.

Bên cạnh đó, có 09 nội dung cần thiết phải quy định để tổ chức hướng dẫn, thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn việc xác định phạm vi hòa giải ở cơ sở; giải quyết trường hợp vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở; rà soát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải; kiện toàn tổ hòa giải; mời người tham gia hòa giải ở cơ sở; trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành; giải quyết trường hợp hòa giải không thành và Sở theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. Các quy định chi tiết này để bảo

đảm việc triển khai thực hiện các chính sách này được thống nhất, khả thi và hiệu quả trên thực tế.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 12 năm thi hành, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP và Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, góp phần giải quyết kịp thời nhiều mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật trong cộng đồng, hạn chế phát sinh khiếu kiện, giữ gìn đoàn kết và an ninh, trật tự tại cơ sở. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy một số quy định không còn phù hợp với yêu cầu mới, cần được rà soát, sửa đổi, bổ sung để bảo đảm thi hành hiệu quả Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026. Những bất cập chủ yếu tập trung ở các nội dung sau:

Một là, bất cập về phạm vi và hình thức tiến hành hòa giải. Một số quy định của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP về phạm vi hòa giải ở cơ sở được xây dựng trên cơ sở hệ thống pháp luật tại thời điểm năm 2014, đến nay đã có nhiều thay đổi, trong đó một số quy định được dẫn chiếu đã được sửa đổi, thay thế hoặc không còn phù hợp. Bên cạnh đó, nhiều văn bản luật khuyến khích các bên được lựa chọn hòa giải ở cơ sở để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp¹. Đồng thời, quy định về phạm vi tiến hành hòa giải chưa bao quát đầy đủ các tình huống thực tế; chưa làm rõ được các trường hợp được hòa giải.

Đối với hình thức hòa giải, tại Nghị định hiện hành mới chỉ quy định hòa giải trực tiếp, chưa đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa phương thức hòa giải, chưa ứng dụng công nghệ số, trong đó có hòa giải trực tuyến ... Do đó, cần có quy định chi tiết, thống nhất để bảo đảm việc áp dụng Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 phù hợp với đặc thù của thực tiễn, từng vụ, việc hiện nay.

Hai là, bất cập về lựa chọn hòa giải viên. Thực tiễn cho thấy, việc bầu, công nhận và kiện toàn hòa giải viên, tổ hòa giải còn gặp khó khăn, nhất là tại địa bàn có quy mô dân cư lớn, dân cư biến động hoặc thường xuyên có sự thay đổi về đội ngũ hòa giải viên. Phương thức bầu hòa giải viên theo quy định hiện hành trong một số trường hợp chưa đủ linh hoạt, có thể dẫn đến không lựa chọn đủ số lượng, thành phần hoặc phải tổ chức bầu lại nhiều lần, ảnh hưởng đến tính ổn định và hiệu quả hoạt động của tổ hòa giải. Vì vậy, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 đã sửa đổi hình thức bầu hòa giải viên, bổ sung phương thức chỉ định hòa giải viên trong những trường hợp cần thiết, tạo cơ chế linh hoạt để kịp thời bổ sung, kiện toàn đội ngũ. Đồng thời, Nghị định cần được quy định cụ thể về trình tự, thủ tục bầu, chỉ định

¹ Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Điện lực...

hòa giải viên, quy định cách thức bầu linh hoạt trong bối cảnh sáp nhập tổ dân phố hiện nay, bảo đảm công khai, phù hợp với thực tế và phát huy vai trò của cộng đồng. Bên cạnh đó, các quy định về công nhận, thôi làm hòa giải viên, Tổ trưởng tổ hòa giải và kiện toàn tổ hòa giải cần tiếp tục được cụ thể hóa, đơn giản hóa để thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

Ba là việc huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ, đóng góp, mời người tham gia hòa giải chưa đạt hiệu quả. Mặc dù Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 đã quy định về người được mời tham gia hòa giải nhằm huy động nguồn lực xã hội, hỗ trợ hòa giải viên về kiến thức chuyên môn, kiến thức xã hội cũng như cách thức tiến hành hòa giải, góp phần nâng cao chất lượng hòa giải đối với những vụ, việc khó, phức tạp; tuy nhiên, phạm vi, quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải chưa được quy định đầy đủ, chưa tạo được cơ chế tổng thể để huy động người có kiến thức, kinh nghiệm và uy tín tham gia tư vấn, hỗ trợ hoặc trực tiếp tham gia hòa giải. Bên cạnh đó, việc huy động sự đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân cho công tác hòa giải ở cơ sở còn gặp khó khăn do quy định hiện hành chưa làm rõ cơ chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp, hỗ trợ, cũng như chủ thể có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý nguồn lực này. Điều này dẫn đến lúng túng trong tổ chức thực hiện, chưa tạo được cơ chế thuận lợi để huy động và phát huy nguồn lực xã hội.

Bốn là, bất cập về trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ chế phối hợp trong công tác hòa giải ở cơ sở. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP và Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN đã quy định trách nhiệm của các cấp chính quyền và cơ chế phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, việc phân định trách nhiệm được xây dựng trên mô hình chính quyền địa phương 03 cấp, trong đó cấp huyện giữ vai trò trung gian trong hướng dẫn, tập huấn, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo, nên không còn phù hợp khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đồng thời, thực tiễn thi hành cho thấy việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước và phối hợp giữa các chủ thể ở một số địa phương chưa đồng đều, cần tiếp tục làm rõ đầu mối, phạm vi và phương thức phối hợp. Do đó, Nghị định mới cần rà soát, phân định lại trách nhiệm giữa UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã và cơ quan tư pháp, đồng thời xác định rõ vai trò phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan, bảo đảm không bỏ sót nhiệm vụ, không chồng chéo thẩm quyền và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Năm là, bất cập về cơ chế bảo đảm kinh phí và các điều kiện bảo đảm hoạt động hòa giải ở cơ sở. Mặc dù pháp luật hiện hành đã quy định về kinh phí và chế độ thù lao cho hòa giải viên, tuy nhiên chỉ quy định “hỗ trợ kinh phí” nên việc

phân bổ kinh phí cho công tác này hoàn toàn phụ thuộc vào mức độ quan tâm của cấp ủy, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các cấp. Tại nhiều nơi nguồn kinh phí chi cho quản lý nhà nước và chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải, chi thù lao cho hòa giải viên còn rất hạn chế; nhiều cấp xã, định mức chi thực tế quá thấp, các chi phí thiết yếu cho tổ hòa giải hoạt động (văn phòng phẩm, nước uống, photo tài liệu...) không đáp ứng được nhu cầu tối thiểu; nguồn lực kinh phí giữa các địa phương chưa đồng đều, ảnh hưởng đến việc duy trì hoạt động thường xuyên của tổ hòa giải và việc động viên, khuyến khích hòa giải viên tham gia. Bên cạnh đó, yêu cầu bảo đảm kinh phí theo Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 đặt ra nhu cầu hoàn thiện cơ chế tài chính theo hướng rõ trách nhiệm, chủ động về nguồn, bảo đảm phân bổ kinh phí tổng thể cho công tác này nhưng đồng thời đơn giản, khả thi. Do đó, Nghị định mới cần làm rõ trách nhiệm của các cơ quan trong bảo đảm kinh phí; đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục chi trả thù lao, hỗ trợ kinh phí; nghiên cứu cơ chế phù hợp với đặc thù hoạt động hòa giải ở cơ sở và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; đồng thời tạo cơ sở để huy động các nguồn lực hợp pháp khác, góp phần bảo đảm hoạt động hòa giải được duy trì ổn định, thực chất và hiệu quả.

Sáu là, bất cập về chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP và Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN được xây dựng trong bối cảnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước nói chung và hòa giải ở cơ sở nói riêng còn hạn chế. Vì vậy, các văn bản này chủ yếu thiết kế phương thức quản lý, theo dõi, lưu trữ, thống kê và tổ chức hòa giải theo hình thức truyền thống, dựa trên hồ sơ, sổ sách và trao đổi trực tiếp, chưa có hành lang pháp lý đầy đủ cho việc số hóa dữ liệu, lập và quản lý hồ sơ điện tử, thực hiện thống kê, báo cáo trên môi trường điện tử cũng như ứng dụng công nghệ trong quá trình lựa chọn, quản lý hòa giải viên và tiến hành hòa giải. Trong khi đó, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 đã bổ sung chính sách và quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo cơ sở để triển khai các phương thức mới như quản lý dữ liệu điện tử, hồ sơ điện tử, bầu hòa giải viên trên môi trường điện tử, hòa giải trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. Do đó, Nghị định mới cần cụ thể hóa trách nhiệm của các cơ quan quản lý, nhất là Ủy ban nhân dân cấp xã, trong việc ứng dụng công nghệ thông tin; quy định nguyên tắc, phương thức và trách nhiệm quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để chuyển dần từ phương thức quản lý dựa trên hồ sơ, sổ sách giấy sang quản lý trên môi trường điện tử, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, không làm phát sinh yêu cầu ứng dụng công nghệ bắt buộc vượt quá khả năng của cơ sở.

Bây là, bắt cập về tính đồng bộ, phân định thẩm quyền của hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh yêu cầu cập nhật các nội dung mới của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026, việc xây dựng Nghị định mới xuất phát từ yêu cầu rà soát, sắp xếp lại tổng thể hệ thống văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, trong đó có Nghị định số 15/2014/NĐ-CP và Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN. Qua thực tiễn thi hành cho thấy, một số nội dung về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở hiện được quy định tại nhiều văn bản, có sự giao thoa về nội dung hoặc chưa phân định thật rõ phạm vi, tính chất và thẩm quyền ban hành, dẫn đến hệ thống quy định còn phân tán, khó theo dõi và áp dụng. Trong bối cảnh Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 có nhiều quy định mới, việc rà soát, phân định lại hệ thống văn bản càng trở nên cần thiết.

Việc xây dựng Nghị định mới đồng thời gắn với chủ trương hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật được xác định tại Kết luận số 09-KL/TW, theo hướng bảo đảm mỗi chủ thể có thẩm quyền tập trung ban hành một loại văn bản theo đúng phạm vi, thẩm quyền được giao, hạn chế tình trạng cùng một vấn đề được quy định ở nhiều loại văn bản hoặc nhiều chủ thể cùng tham gia quy định, hướng dẫn. Theo đó, cần xác định rõ ranh giới giữa văn bản quy định chi tiết của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tư pháp: những nội dung Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, những vấn đề có tính nguyên tắc, điều kiện, trình tự, trách nhiệm của các chủ thể và các biện pháp tổ chức thi hành cần được quy định đầy đủ, thống nhất trong Nghị định; những nội dung mang tính nghiệp vụ, kỹ thuật, biểu mẫu hoặc hướng dẫn thực hiện cụ thể thuộc phạm vi thẩm quyền của Bộ Tư pháp thì được quy định tại Thông tư. Đồng thời, các nội dung của Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN cũng cần được rà soát, phân loại để xác định nội dung nào thuộc phạm vi quy định của Nghị định, nội dung nào thuộc hướng dẫn nghiệp vụ và nội dung nào cần được tiếp tục thực hiện hoặc điều chỉnh bằng văn bản phù hợp với thẩm quyền của từng chủ thể.

Từ những vấn đề nêu trên, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở là cần thiết nhằm cụ thể hóa đầy đủ các nội dung được Luật giao, khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn thi hành, đồng thời thay thế các quy định không còn phù hợp của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP. Việc xây dựng Nghị định cũng là cơ sở để rà soát, phân định và xử lý các nội dung có liên quan tại Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN, bảo đảm phù hợp với Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026, yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy, chuyển đổi số, qua đó tạo sự ổn định, minh bạch của hệ thống pháp luật và thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân và

hòa giải viên ở cơ sở trong quá trình tra cứu, thực hiện, nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trong tình hình mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Nghị định được ban hành nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển hòa giải ở cơ sở, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phân cấp, phân quyền; quy định kịp thời, đầy đủ các nội dung được giao, bảo đảm Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 được thi hành thống nhất, đồng bộ, không tạo khoảng trống pháp lý; đồng thời khắc phục những bất cập, vướng mắc từ thực tiễn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở và quản lý nhà nước về công tác này.

2. Quan điểm

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, tăng cường đồng thuận xã hội; cụ thể hóa các chủ trương, định hướng tại Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và các chủ trương, chính sách có liên quan.

- Quy định đầy đủ, cụ thể các nội dung được Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 giao, đồng thời hướng dẫn những vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ để bảo đảm Luật được triển khai thống nhất, đồng bộ, khả thi trên thực tế; kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp, phát huy hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở và đội ngũ hòa giải viên, hoàn thiện các quy định về lựa chọn, bồi dưỡng, quyền, nghĩa vụ và chế độ, chính sách đối với hòa giải viên; làm rõ quyền và trách nhiệm của người được mời tham gia hòa giải; tạo điều kiện để hòa giải viên thực hiện tốt vai trò phòng ngừa, giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp ngay từ cơ sở, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự và tăng cường sự đồng thuận trong cộng đồng.

- Phát huy vai trò của tổ hòa giải, Tổ trưởng tổ hòa giải trong hoạt động hòa giải ở cơ sở trong việc phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật từ cơ sở.

- Đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động hòa giải ở cơ sở và quản lý nhà nước; từng bước số hóa hồ sơ, sổ theo dõi, cơ sở dữ liệu, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm công khai, minh bạch, thuận lợi và hiệu quả.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý nhà nước phù hợp với yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và điều kiện thực tiễn của từng địa bàn; bảo đảm phân cấp, phân quyền hợp lý, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong quản lý và hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

1. Tiến hành đánh giá việc thi hành và tổng hợp các vấn đề hạn chế, bất cập trong quá trình thi hành Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.
2. Xây dựng, ban hành Kế hoạch xây dựng dự thảo Nghị định².
3. Thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị định³.
4. Tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định.
5. Xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định, bản so sánh dự thảo Nghị định với Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.
6. Tổ chức các cuộc họp Tổ soạn thảo, hội nghị, hội thảo lấy ý kiến trực tiếp đối với hồ sơ dự thảo Nghị định⁴.
7. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, các cơ quan, tổ chức, các nhân khác có liên quan và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Nghị định⁵.
8. Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Cổng Pháp luật quốc gia từ ngày / /2026 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến.
9. Nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị định (có Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý).
10. Thực hiện đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp từ ngày / /2026 theo quy định.

² Quyết định số 1783/QĐ-BTP ngày 30/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

³ Quyết định số 1776/QĐ-BTP ngày 29/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

⁴ Hội thảo góp ý dự thảo Nghị định tại Đà Nẵng ngày 04/9/2026, tại Hà Nội ngày 16/9/2026, tại Tây Ninh ngày 25/9/2026, cuộc họp Tổ soạn thảo ngày 13/10/2026.

⁵ Công văn số .../BTP-PB&TG ngày / /2026.

11. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số /BCTĐ-BTP ngày / /2026 thẩm định dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định để trình Chính phủ xem xét, ban hành (Báo cáo số /BC-BTP ngày / /2026 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định kèm theo).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị định quy định chi tiết Điều 3; Điều 7; Điều 9; Điều 10; Điều 11; khoản 5 và khoản 7 Điều 12; Điều 14; Điều 17, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 1 Điều 26, Điều 32 và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được kết cấu gồm 06 chương, 32 điều (tăng 12 điều so với Nghị định số 15/2014/NĐ-CP). Cụ thể:

- Chương I. Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 5) quy định về phạm vi điều chỉnh; khuyến khích, hỗ trợ và huy động nguồn lực cho công tác hòa giải ở cơ sở; mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn việc xác định phạm vi hòa giải ở cơ sở; giải quyết trường hợp vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở.

- Chương II. Bầu, chỉ định, công nhận, thôi làm hòa giải viên, Tổ trưởng tổ hòa giải (từ Điều 6 đến Điều 18) quy định về rà soát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải, kiện toàn tổ hòa giải; chuẩn bị bầu hòa giải viên; tổ chức bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình; tổ chức bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu lấy ý kiến đại diện các hộ gia đình; tổ chức bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết trực tuyến; kết hợp hình thức bầu hòa giải viên; kết quả bầu hòa giải viên; bầu bổ sung, bầu lại hòa giải viên; chỉ định hòa giải viên; công nhận hòa giải viên; bầu Tổ trưởng tổ hòa giải; thôi làm hòa giải viên, Tổ trưởng tổ hòa giải; mẫu văn bản trong bầu, chỉ định, công nhận, thôi làm hòa giải viên, Tổ trưởng Tổ hòa giải.

- Chương III. Hoạt động hòa giải ở cơ sở (từ Điều 19 đến Điều 23) quy định về mời người tham gia hòa giải ở cơ sở; hỗ trợ bố trí người phiên dịch trong hòa giải ở cơ sở; hòa giải trực tuyến; lập, xác nhận và lưu giữ văn bản về kết quả hòa giải trực tuyến; Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Chương IV. Kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở (từ Điều 24 đến Điều 27) quy định về nội dung, nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác hòa giải ở cơ sở; điều kiện, thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải vụ, việc cùng với hòa giải viên; nội dung hỗ trợ hòa giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hòa giải; thủ tục thực hiện hỗ trợ hòa giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hòa giải.

- Chương V. Quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở (Điều 28 và Điều 29) quy định về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.

- Chương VI. Điều khoản thi hành (từ Điều 30 đến Điều 32) quy định về hiệu lực thi hành; điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định kế thừa một số quy định còn phù hợp tại Nghị định số 15/2014/NĐ-CP về: **(i)** quy định về hướng dẫn xác định vụ, việc thuộc hoặc không thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở và trách nhiệm của hòa giải viên trong việc giải thích, hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khi vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải; **(ii)** quy định về Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở, gồm các nội dung chủ yếu, trách nhiệm ghi chép, lưu giữ và quản lý Sổ; **(iii)** quy định về nguồn kinh phí và các nội dung chi cho công tác hòa giải ở cơ sở, trong đó có kinh phí hoạt động của tổ hòa giải, thù lao cho hòa giải viên và hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn, rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải; **(iv)** quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên; **(v)** quy định về trường hợp, trình tự, thủ tục hỗ trợ hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hòa giải.

Đồng thời Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo hướng bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026, các chủ trương, chính sách của Đảng về yêu cầu tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở, cụ thể như sau:

a) Nội dung sửa đổi, bổ sung

Thứ nhất, sửa đổi cụ thể phạm vi điều chỉnh của Nghị định. Theo đó dự thảo Nghị định liệt kê cụ thể các điều, khoản, điểm được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết (trước đây, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP chỉ quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị định chung chung).

Thứ hai, bổ sung quy định về việc huy động nguồn lực cho công tác hòa giải ở cơ sở. Dự thảo Nghị định cụ thể hóa các hình thức đóng góp, hỗ trợ và nguyên tắc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn lực của tổ chức, cá nhân; đồng thời xác định cơ chế, chủ thể tiếp nhận, theo dõi đối với các khoản hỗ trợ, cũng như quyền lợi của các tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở, góp phần huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích và nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quy định về các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định cụ thể các trường hợp thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở và không thuộc phạm vi hòa giải tại Điều 5. Trên cơ sở Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026, dự thảo Nghị định quy định tại Điều 3 theo hướng vừa kế thừa các nhóm mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật được hòa giải, vừa cập nhật các trường hợp pháp luật hiện hành cho phép tự thỏa thuận, khắc phục hậu quả hoặc xử lý theo hướng khoan dung, giáo dục; đồng thời quy định cụ thể trách nhiệm của hòa giải viên khi phát hiện vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải. Việc sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất với phạm vi hòa giải được quy định trong Luật năm 2026, khắc phục những điểm chưa rõ trong thực tiễn xác định phạm vi hòa giải và tránh việc hòa giải viên can thiệp vào những vụ, việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ tư, bổ sung quy định về rà soát, đánh giá và kiện toàn tổ hòa giải. Dự thảo Nghị định bổ sung quy định này trên cơ sở kế thừa Điều 11 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTWMTTQVN. Theo đó, quy định cụ thể về nội dung rà soát, đánh giá, trách nhiệm của Trưởng ban công tác Mặt trận, Tổ trưởng tổ hòa giải và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; việc đề nghị và quyết định số lượng tổ hòa giải, số lượng hòa giải viên trong một tổ hòa giải. Việc bổ sung nhằm tạo quy trình rõ ràng, thống nhất từ rà soát, đánh giá đến đề nghị và quyết định kiện toàn tổ hòa giải.

Thứ năm, bổ sung quy định về bầu hòa giải viên. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP không quy định việc bầu hòa giải viên mà nội dung này được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTWMTTQVN theo hình thức họp đại diện các hộ gia đình hoặc phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình. Dự thảo Nghị định quy định cụ thể từ Điều 7 đến Điều 13 và Điều 15 theo hướng hoàn thiện quy trình chuẩn bị bầu, tổ chức bầu, xác định kết quả và đề nghị công nhận hòa giải viên; đồng thời, bổ sung các hình thức biểu quyết trực tuyến và cho phép kết hợp các hình thức bầu hòa giải viên. Việc bổ sung nhằm khắc phục những khó khăn, bất cập trong tổ chức bầu hòa giải viên, nhất là tại địa bàn đông dân cư, dân

cư phân tán; tạo điều kiện để người dân tham gia thuận lợi hơn, đồng thời tăng tính linh hoạt, công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện chuyển đổi số.

Thứ sáu, bổ sung quy định về chỉ định hòa giải viên. Cơ chế chỉ định hòa giải viên là một nội dung mới của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026. Trên cơ sở Điều 10 của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026, dự thảo Nghị định bổ sung Điều 14 quy định trình tự, thủ tục chỉ định hòa giải viên, bao gồm rà soát, giới thiệu, công khai danh sách, xem xét ý kiến phản ánh, kiến nghị và lập danh sách đề nghị công nhận. Việc bổ sung nhằm cụ thể hóa phương thức chỉ định đã được Luật quy định, đồng thời tạo cơ chế xử lý trong trường hợp việc bầu bổ sung, bầu lại không đạt kết quả, bảo đảm tổ hòa giải có đủ hòa giải viên để duy trì hoạt động.

Thứ bảy, bổ sung quy định về bầu, công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải và thôi làm hòa giải viên, Tổ trưởng tổ hòa giải. Trên cơ sở kế thừa quy định của Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTWMTTQVN và những nội dung mới của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026, dự thảo Nghị định quy định các nội dung này tại Điều 16 và Điều 17. Đồng thời quy định cụ thể hơn về các hình thức bầu, trường hợp phải bầu lại, trình tự đề nghị và công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải; quy định rõ hơn quy trình xem xét, xác minh và quyết định việc thôi làm hòa giải viên, thôi làm Tổ trưởng tổ hòa giải. Việc sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất với các quy định mới, làm rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia quy trình và hạn chế phát sinh vướng mắc trong thực tiễn.

Thứ tám, bổ sung quy định về người được mời tham gia hòa giải và người phiên dịch. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP chưa có quy định tương ứng, chi tiết về trình tự mời người tham gia hòa giải và cơ chế hỗ trợ phiên dịch trong trường hợp cần thiết. Dự thảo Nghị định bổ sung Điều 19 và Điều 20, quy định việc lấy ý kiến đồng ý của các bên, hình thức mời, nội dung lời mời, trách nhiệm ghi nhận sự tham gia của người được mời; đồng thời quy định việc đề nghị, bố trí người phiên dịch, trách nhiệm của người phiên dịch và nguồn kinh phí thực hiện. Việc bổ sung nhằm cụ thể hóa các quy định mới, tạo cơ sở để hòa giải viên huy động người có uy tín, kiến thức, chuyên môn tham gia hỗ trợ giải quyết vụ, việc, đồng thời bảo đảm quyền tiếp cận và tham gia hòa giải của người dân tộc thiểu số hoặc người khuyết tật nghe, nói.

Thứ chín, bổ sung quy định về hòa giải trực tuyến và hồ sơ, kết quả hòa giải dưới dạng điện tử. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP được ban hành trong bối cảnh chưa đặt ra yêu cầu tổ chức hòa giải bằng phương thức điện tử nên không có quy định về nội dung này. Dự thảo bổ sung Điều 21 và Điều 22 quy định điều kiện, phương thức tiến hành hòa giải trực tuyến; yêu cầu bảo mật, xử lý sự cố kỹ thuật; việc lập, xác nhận và lưu giữ văn bản về kết quả hòa giải trực tuyến bằng thông

điệp dữ liệu, chữ ký điện tử, chữ ký số hoặc tài khoản định danh điện tử. Việc bổ sung nhằm tạo cơ sở pháp lý cho phương thức hòa giải mới, phù hợp với điều kiện ứng dụng công nghệ hiện nay nhưng vẫn bảo đảm tính tự nguyện, trực tiếp và bảo mật của hoạt động hòa giải.

Thứ mười, sửa đổi, bổ sung quy định Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP có quy định về Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở và trách nhiệm ghi chép, quản lý sổ. Dự thảo tiếp tục quy định tại Điều 23 và bổ sung quy định khuyến khích việc lập, quản lý, cập nhật Sổ theo dõi bằng phương thức điện tử. Việc sửa đổi nhằm nâng cao hiệu quả theo dõi sau hòa giải, bảo đảm thông tin được ghi nhận đầy đủ, chính xác, thuận tiện cho tra cứu, thống kê và báo cáo, đồng thời đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở.

Thứ mười một, sửa đổi, bổ sung quy định về kinh phí, thù lao, hỗ trợ khi gặp tai nạn, rủi ro. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP có các quy định về kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở và thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên, hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn, rủi ro. Dự thảo kế thừa, đồng thời rà soát, điều chỉnh các nội dung này tại Điều 24 đến Điều 27. Trong đó, bổ sung đối tượng được chi thù lao là người được mời trực tiếp tham gia hòa giải; bổ sung chi phí phiên dịch và các chi phí cần thiết khác; đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục thanh toán; quy định cụ thể về trình tự, thủ tục hỗ trợ khi xảy ra tai nạn, rủi ro. Đồng thời, dự thảo quy định trường hợp vụ, việc có người được mời trực tiếp tham gia hòa giải cùng với hòa giải viên thì thù lao của người được mời không tính trong mức thù lao theo vụ, việc của hòa giải viên. Quy định này nhằm phân định rõ khoản thù lao trả cho hòa giải viên với khoản thù lao trả cho người được mời trực tiếp tham gia hòa giải, bảo đảm người được mời được chi trả tương ứng với sự tham gia thực tế, đồng thời không làm giảm mức thù lao theo vụ, việc của hòa giải viên do có thêm người được mời tham gia. Qua đó, tạo điều kiện huy động sự tham gia của người có chuyên môn, kinh nghiệm hoặc hiểu biết phù hợp để hỗ trợ giải quyết vụ, việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả hòa giải ở cơ sở. Việc sửa đổi nhằm bảo đảm cơ chế tài chính phù hợp với Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 và pháp luật ngân sách hiện hành, tăng tính khả thi của chính sách bảo đảm kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở, đồng thời khắc phục những bất cập trong tổ chức thực hiện và thanh toán kinh phí thời gian qua.

Thứ mười hai, sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan trong công tác hòa giải ở cơ sở. Dự thảo Nghị định đã bổ sung trách nhiệm của Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ trong công tác hòa giải ở cơ sở, đồng thời kế thừa và phát triển các quy định của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP về trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp để phù hợp với

mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Theo đó, ngoài những trách nhiệm được quy định tại Điều 28 của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, dự thảo Nghị định đã bổ sung trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp trong việc xây dựng, quản lý, bảo đảm hoạt động của Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động hòa giải trực tuyến. Dự thảo Nghị định đã phân định lại trách nhiệm quản lý nhà nước giữa cấp tỉnh và cấp xã, đồng thời bổ sung trách nhiệm của các cơ quan, đặc biệt là Ủy ban nhân dân cấp xã trong đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình hòa giải, hỗ trợ bố trí người phiên dịch, trách nhiệm trong ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý và khai thác dữ liệu, thực hiện thông tin, thống kê, báo cáo về hòa giải ở cơ sở trên môi trường điện tử. Việc sửa đổi, bổ sung nhằm quy định chi tiết các nội dung được Luật giao, bảo đảm sự phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương mới, khắc phục khoảng trống trong phân công trách nhiệm khi kết thúc hoạt động của chính quyền cấp huyện, đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thủ tục, giấy tờ và chi phí hành chính, bảo đảm công tác quản lý, theo dõi và báo cáo về hòa giải ở cơ sở được thực hiện thống nhất, kịp thời, hiệu quả.

Nhìn chung, các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên được xây dựng theo hướng kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTWMTTQVN, đồng thời cụ thể hóa các quy định mới của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026, xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn và cập nhật yêu cầu về chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính, huy động nguồn lực xã hội và bảo đảm kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

b) Nội dung lược bỏ

- Lược bỏ điều về khuyến khích cá nhân tham gia hòa giải ở cơ sở vì đây là nhóm người được mời tham gia hòa giải đã được Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 quy định về quyền, nghĩa vụ.

- Lược bỏ một số quy định về phạm vi hòa giải ở cơ sở:

- + Lược bỏ quy định được hòa giải với các vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, đặc khu. Theo quy định tại Điều 90 Luật Xử lý vi phạm hành chính là những người đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thuộc diện bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc có hành vi có dấu hiệu của tội phạm nhưng xét thấy chưa cần thiết cách ly khỏi cộng đồng. Đây là biện pháp xử lý hành chính mang tính quản lý, giáo dục của Nhà nước, khác với bản chất tự nguyện, thuyết phục của hòa giải ở cơ sở. Do đó, việc xác định các trường hợp này thuộc

phạm vi hòa giải ở cơ sở là không phù hợp, cần rà soát, loại trừ để bảo đảm phân định rõ giữa hòa giải ở cơ sở và các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật.

+ Lược bỏ quy định loại trừ tranh chấp thương mại và tranh chấp lao động khỏi phạm vi hòa giải ở cơ sở. Trước hết, việc sửa đổi nhằm thực hiện chính sách khuyến khích giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp thông qua hòa giải ở cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026. Đồng thời, qua rà soát Bộ luật Lao động, Luật Thương mại, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP và các văn bản có liên quan, chưa có quy định cấm hoặc không cho phép hòa giải các tranh chấp lao động, tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở cơ sở. Vì vậy, việc lược bỏ quy định loại trừ sẽ mở rộng lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp trên tinh thần tự nguyện, đồng thời không làm thay đổi thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp theo pháp luật chuyên ngành.

- Lược bỏ điều về thực hiện hòa giải giữa các bên ở thôn, tổ dân phố khác nhau; điều về giải quyết trường hợp hòa giải không thành và điều về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành vì đã được quy định tại Điều 27, điểm b khoản 2 Điều 28, Điều 29, Điều 31 của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026.

- Lược bỏ quy định “Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tự cân đối được ngân sách bố trí, sử dụng nguồn thu ngân sách của địa phương để hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở” nhằm bảo đảm thống nhất với pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Lược bỏ quy định “Ngân sách Trung ương chi bổ sung cho các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách để hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” do nội dung này đã được quy định tại Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026.

- Lược bỏ “việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở được thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành” do quy định này không cần thiết.

- Lược bỏ quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong công tác hòa giải ở cơ sở, do cấp huyện đã kết thúc hoạt động.

c) Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Các quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên như: Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị (Công ước ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Công ước ICESCR), Công ước

quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (Công ước ICERD), Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (Công ước CRPD), Công ước quốc tế về quyền trẻ em (Công ước UNCRC).

d) Về phân quyền, phân cấp

Các quy định của dự thảo Nghị định tập trung quy định chi tiết các nội dung được Luật giao và các biện pháp thi hành; không có nội dung đặt ra yêu cầu phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan, cấp chính quyền.

đ) Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

Các quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Các quy định tại dự thảo Nghị định tác động đến công tác hòa giải, giữ gìn đoàn kết cộng đồng, góp phần hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở. Một số quy định của Nghị định được rà soát để hoàn thiện, kế thừa để bảo đảm nguyên tắc tổ chức và hoạt động hòa giải không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.

e) Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, có 05 thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở⁶. Các quy định của Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, chỉ mở rộng hình thức lựa chọn hòa giải viên (hình thức công nhận hoặc chỉ định tại thủ tục công nhận hòa giải viên), bổ sung thêm đối tượng thụ hưởng (người được mời trực tiếp tham gia hòa giải) tại thủ tục thanh toán thù lao và hỗ trợ khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải, bổ sung thêm trường hợp thôi làm Tổ trưởng tổ hòa giải tại thủ tục thôi làm hòa giải viên. Dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng đẩy mạnh cải cách, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức và cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện. Theo đó, nhiều quy định được sửa đổi, bổ sung theo hướng giảm thành phần hồ sơ, giảm thủ tục trung gian, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác dữ liệu điện tử thay cho việc yêu cầu người dân xuất trình bản giấy.

Dự thảo Nghị định có quy định riêng về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Dự thảo Nghị định bổ sung nhiều quy định ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số: hình thức hòa giải trực tuyến tại Điều 21 dự thảo Nghị định, quy định về việc biểu quyết bằng hình thức trực tuyến trong bầu hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải tại Điều 10 và Điều 16 dự thảo Nghị

⁶ Thủ tục công nhận hòa giải viên; thủ tục thôi làm hòa giải viên; thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải; thủ tục thanh toán thù lao của hòa giải viên; thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.

định. Các quy định này đã bảo đảm sự thuận lợi cho các địa phương trong việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

g) Việc bảo đảm bình đẳng giới và chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị định bảo đảm không có sự phân biệt về giới, không có điều khoản liên quan đến giới.

Dự thảo Nghị định cơ bản bảo đảm phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc theo tinh thần của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026. Theo đó, tại Điều 7 dự thảo Nghị định quy định việc chuẩn bị bầu hòa giải viên “...Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, danh sách bầu hòa giải viên phải có người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với đặc điểm dân cư của địa phương”. Các quy định trong dự thảo Nghị định đã thể hiện sự lồng ghép chính sách dân tộc một cách phù hợp, không tách biệt thành cơ chế riêng nhưng bảo đảm tính bao trùm, bình đẳng và tôn trọng đặc thù văn hóa, qua đó bảo đảm các nguyên tắc chính sách dân tộc được thực hiện thực chất, hiệu quả trong thực tiễn.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HÀNH VĂN BẢN, THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm

a) Về nhân lực

Hiện nay đã hình thành và duy trì ổn định tổ chức bộ máy, biên chế để tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở từ trung ương đến địa phương. Các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương được phân công quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở như Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, cơ quan chuyên môn cấp xã và các bộ, cơ quan ngang bộ, sở, ban, ngành liên quan đã bố trí, phân công đầu mối, công chức tham mưu. Theo đó, việc thực hiện các quy định của Nghị định không làm phát sinh nguồn nhân lực về tổ chức bộ máy và biên chế, sử dụng nguồn nhân lực hiện có để triển khai thi hành. Đội ngũ hòa giải viên đã được hình thành, hoạt động ổn định tại các thôn, tổ dân phố; việc huy động người được mời tham gia hòa giải là những người có trình độ pháp lý, kiến thức chuyên môn, kiến thức xã hội nhằm huy động nguồn lực xã hội cho công tác hòa giải ở cơ sở, phát huy trách nhiệm xã hội của các cá nhân (luật sư, luật gia, hội thẩm nhân dân, người có trình độ pháp luật đã nghỉ hưu...) cho cộng đồng. Điều này không làm phát sinh tổ chức bộ máy, kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

Tuy nhiên, với yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cấp xã được giao thêm nhiệm vụ, khối

lượng công việc gia tăng, để thực hiện trách nhiệm, cần tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực cấp xã, đặc biệt là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hòa giải ở cơ sở và năng lực bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho hòa giải viên.

b) Kinh phí, cơ sở vật chất, các điều kiện bảo đảm thi hành Nghị định

Việc thi hành Nghị định được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ đang được triển khai về hòa giải ở cơ sở, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin. Nghị định không đặt ra cơ chế tài chính riêng mà chủ yếu cụ thể hóa trách nhiệm, nội dung và phương thức tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đã được Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 quy định.

Sau khi Nghị định được ban hành, một số nhiệm vụ chủ yếu cần bố trí kinh phí gồm: xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai các văn bản hướng dẫn thi hành; thông tin, truyền thông, phổ biến Nghị định; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải cho hòa giải viên; bảo đảm thù lao cho hòa giải viên, kinh phí hỗ trợ hòa giải viên, người được mời tham gia hòa giải trong trường hợp gặp tai nạn, rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khi tham gia hòa giải và chi phí phiên dịch theo quy định. Bên cạnh đó, cần bố trí kinh phí cho việc số hóa tài liệu, nâng cấp, quản lý cổng hoặc trang thông tin điện tử, quản lý và khai thác dữ liệu về hòa giải ở cơ sở, trang bị hoặc nâng cấp thiết bị cần thiết và tập huấn, bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và hoạt động hòa giải.

Các khoản kinh phí nêu trên được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách, thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành. Đối với các nhiệm vụ có tính chất đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, số hóa và xây dựng, quản lý dữ liệu, việc bố trí kinh phí được thực hiện theo lộ trình, đồng thời lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch về chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, dữ liệu, lưu trữ điện tử và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhằm tránh đầu tư trùng lặp và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

3. Thời gian trình ban hành

Luật Hòa giải ở cơ sở số 16/2026/QH16 có hiệu lực từ ngày 01/3/2027, do vậy để bảo đảm thời điểm có hiệu lực của Nghị định theo quy định tại Điều 53

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁷, Bộ Tư pháp phải trình Chính phủ hồ sơ dự thảo Nghị định trước ngày 20/12/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 15/2014/NĐ-CP; (3) Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (6) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; (7) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTg CP (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VPCP, Vụ PL VPCP;
- Vụ VH&XH, UB VH&XH của Quốc hội;
- Lưu: VT, PBGDPL&TGPL.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Thanh Tùng

⁷ “1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương.

2. Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết”